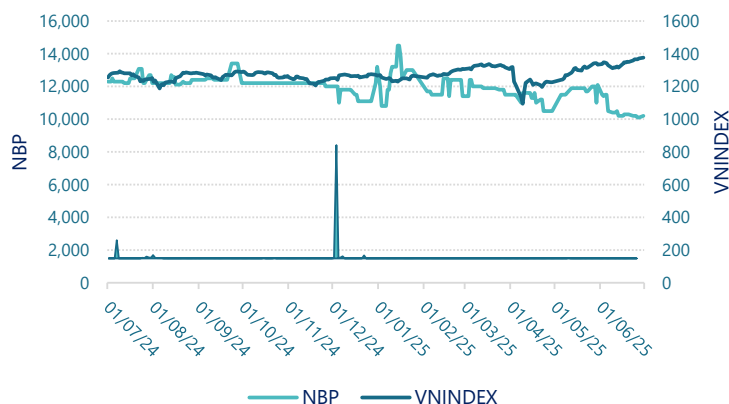


CTCP Nhiệt điện Ninh Bình (HNX: NBP)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/06/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	10,200
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	14,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	10,100
SL cổ phiếu LH	12,865,500
KLGD BQ 20 phiên (CP)	37,835
% sở hữu nước ngoài	1.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	131
P/E	632.6
EPS	16

DT thuần

Q2/25

118

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 71.6 | 155%

YoY: ▼ 297 | -71.5%

LN sau thuế

Q2/25

5.19

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 0.16 | 3.1%

YoY: ▲ 6.02 | 725%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

4.4%

+/- YoY: ▲ 4.3%

DT thuần

6T 2025

165

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 616 | -78.9%

LN sau thuế

6T 2025

10.2

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 9.01 | 757%

ROE

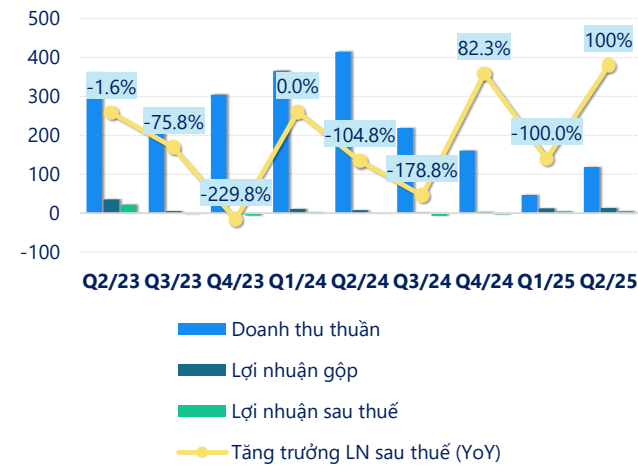
Q2/25

0.1%

+/- YoY: ▲ 2.8%

tỷ VNĐ

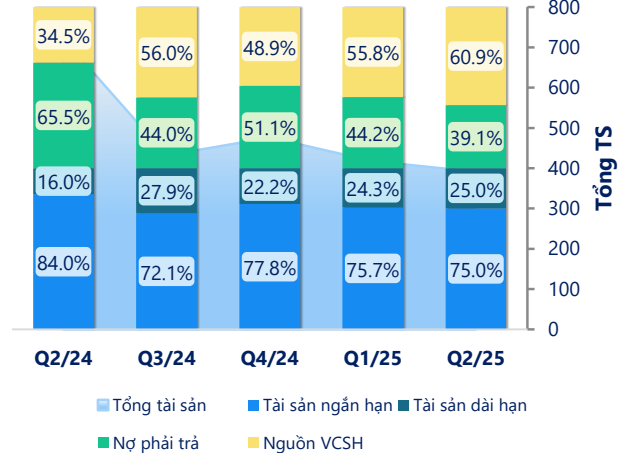
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

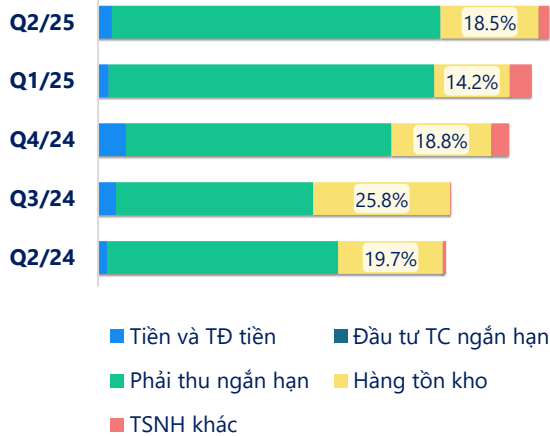
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



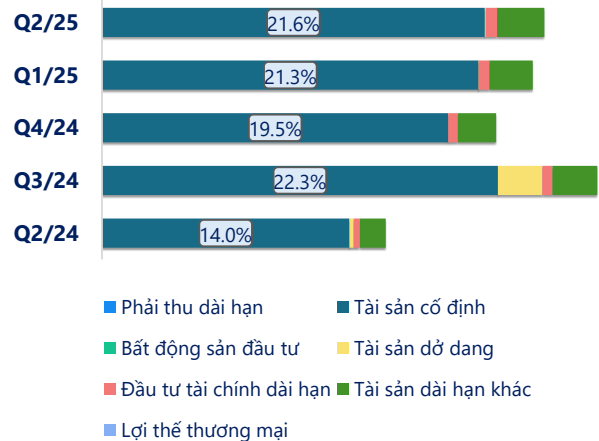
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

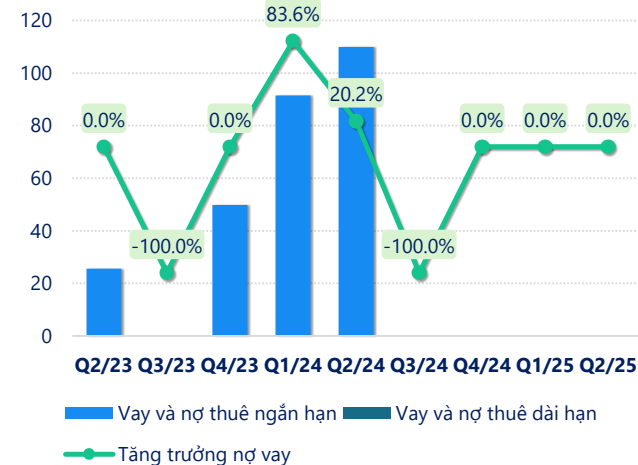
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

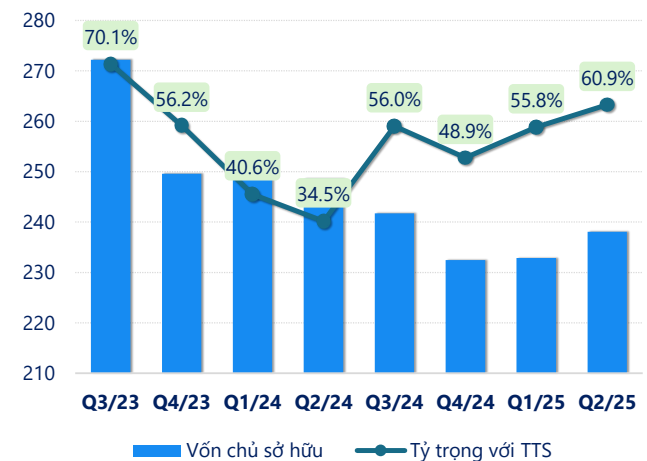
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

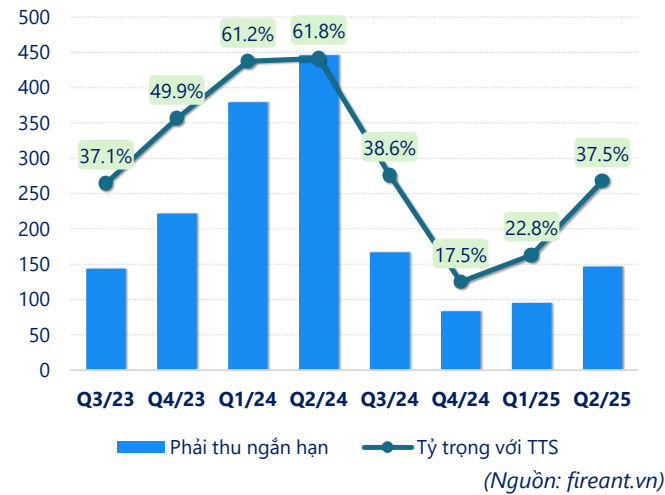
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

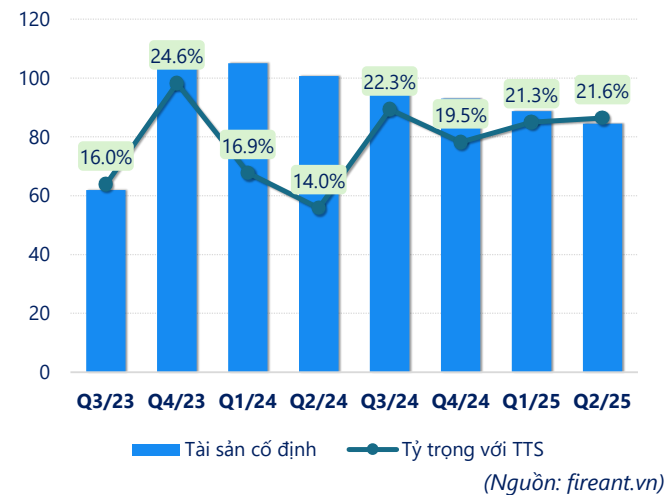
tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


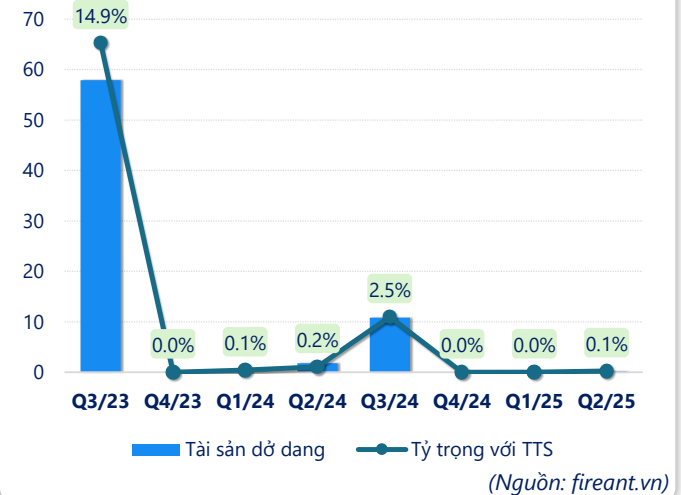
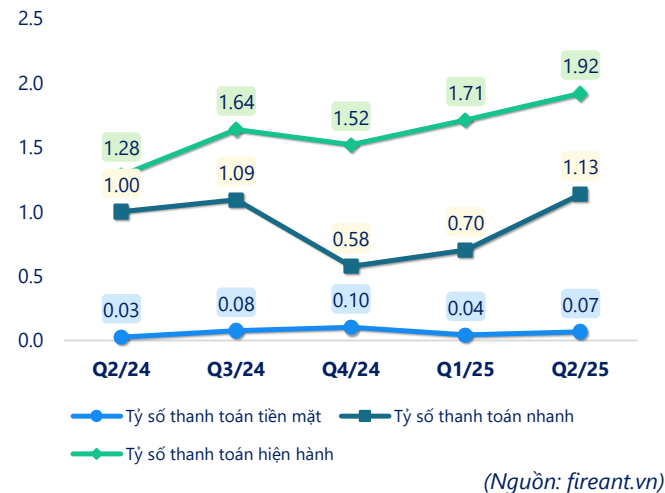
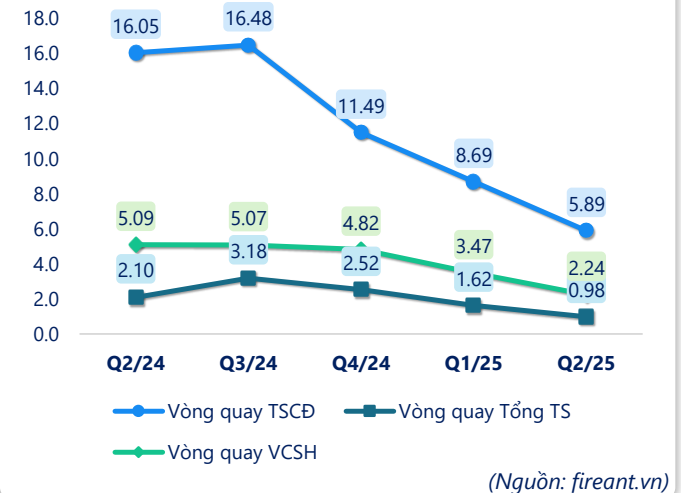
tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


tỷ VNĐ

Tài sản cố định


tỷ VNĐ

Tài sản dở dang

Chỉ số thanh khoản

Vòng quay tài sản


CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	721	431	476	417	391
Tài sản ngắn hạn	606	311	370	316	293
Tiền và tương đương tiền	12.3	14.5	25.0	8.28	10.1
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	446	167	83.2	95.3	147
Hàng tồn kho	133	104	230	187	120
Tài sản ngắn hạn khác	14.3	26.1	31.8	25.8	16.7
Tài sản dài hạn	116	121	106	101	97.6
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	101	96.3	93.0	88.7	84.5
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	1.79	10.8	0	0.01	0.22
Đầu tư tài chính dài hạn	2.50	2.50	2.50	2.50	2.50
Tài sản dài hạn khác	10.6	10.9	10.3	10.2	10.4
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	473	190	243	184	153
Nợ ngắn hạn	473	190	243	184	153
Vay và nợ thuê ngắn hạn	110	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	343	157	232	166	128
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	249	242	232	233	238
Vốn chủ sở hữu	249	242	232	233	238
Vốn điều lệ	129	129	129	129	129
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)